

**CHẶNG ĐƯỜNG 80 NĂM VẺ VANG CỦA
NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM VÌ SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH,
BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC***

Bùi Thanh Sơn

**Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ,
nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**

Ra đời vào Tháng Tám mùa thu lịch sử của dân tộc năm 1945, ngành Ngoại giao Việt Nam hết sức vinh dự, tự hào được Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài, nhà ngoại giao kiệt xuất trực tiếp sáng lập và đặt nền móng. Trong suốt chặng đường 80 năm xây dựng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự dìu dắt trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên, ngoại giao Việt Nam luôn giữ vững bản lĩnh cách mạng, không ngừng phát huy truyền thống vẻ vang, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, đóng góp vào những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Ngoại giao đã có những đóng góp quan trọng, in đậm dấu ấn của mình trong từng chặng đường lịch sử của đất nước, từ giai đoạn giành và giữ vững độc lập, đến công cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước và cho đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Ngoại giao trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước

Ngay từ khi ra đời, Đảng và Bác Hồ đã hết sức coi trọng vai trò của công tác ngoại giao với tư cách là một phương thức quan trọng để bảo vệ lợi ích dân tộc. Người từng nói: “Dùng binh giỏi nhất là đánh bằng mưu,

* Nguồn: *Báo Nhân dân điện tử*, 27/8/2025, https://nhandan.vn/chang-duong-80-nam-ve-vang-cua-nen-ngoai-giao-viet-nam-vi-su-nghiep-dau-tranh-bao-ve-va-xay-dung-dat-nuoc-post904096.html?gidzl=x3ON34bgl7hkBXuEINA-UUW16GfKVBBrz_d9B3LfyywNRv8Ke5N7EuTFuh4m9S9R1ph7SM0JcIQfD3JMsrV0.

thứ hai là đánh bằng ngoại giao, thứ ba mới đánh bằng binh.”¹ Trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước sau đó, ngoại giao đã góp phần quan trọng và in đậm dấu ấn của mình trong những thắng lợi vẻ vang của dân tộc, từ việc góp phần giành và giữ vững độc lập của Tổ quốc từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng, đến công cuộc kháng chiến thành công trước thực dân, đế quốc, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước và cho đến sự nghiệp xây dựng Tổ quốc sau chiến tranh.

Trong giai đoạn bảo vệ nền độc lập non trẻ của đất nước, vận nước đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, “thù trong giặc ngoài” (1945-1946), ngoại giao đã đóng vai trò tiên phong góp phần giữ vững thành quả cách mạng, bảo toàn chính quyền nhân dân, kéo dài thời gian củng cố lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Thắng lợi đậm nét nhất của ngoại giao giai đoạn này là Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, Tạm ước ngày 14/9/1946, cũng như những nỗ lực ngoại giao tại các Hội nghị Đà Lạt và tại Fontainebleau. Ngoại giao đã ứng xử tài tình cùng lúc với năm nước lớn, đối phó với bốn đạo quân nước ngoài với trên 30 vạn binh lính có mặt trên lãnh thổ Việt Nam. Đây là một nước cờ ngoại giao xuất sắc, đưa đất nước vào thế tối ưu nhất có thể trong hoàn cảnh ngặt nghèo của đất nước khi đó.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), ngoại giao vừa phục vụ cuộc kháng chiến vừa tích cực đấu tranh phá vỡ thế bao vây, cô lập, mở rộng quan hệ với bên ngoài, tranh thủ sự ủng hộ, chi viện của bạn bè quốc tế. Ngoại giao đã góp phần hình thành liên minh chiến đấu với Lào, Cam-pu-chia, thúc đẩy các nước Trung Quốc, Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa công nhận, đặt quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam, góp phần hình thành hậu phương thứ hai to lớn cho cuộc kháng chiến. Phối hợp với mặt trận quân sự, ngoại giao Việt Nam đã phát huy thắng lợi to lớn trên chiến trường, đặc biệt là

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011), 562.

chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ để đẩy mạnh đấu tranh trên bàn hội nghị, buộc các cường quốc trên thế giới ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ đã chấm dứt hoàn toàn sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân kéo dài gần 100 năm tại Việt Nam, khẳng định các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, là cơ sở chính trị, pháp lý rất quan trọng để đấu tranh trên mặt trận chính trị, ngoại giao trong công cuộc giải phóng miền nam và thống nhất đất nước sau này.

*Trong cuộc đấu tranh giải phóng miền nam, thống nhất đất nước (1954-1975), trước hoàn cảnh phải “lấy yếu đánh mạnh”, ngoại giao đã trở thành “một mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược”.*² Ngoại giao đã tranh thủ sức mạnh của ba dòng thác cách mạng, xây dựng tình đoàn kết và liên minh chiến đấu với Lào và Cam-pu-chia, góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng của mỗi nước; tranh thủ sự giúp đỡ, chi viện của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và hình thành mặt trận quốc tế rộng rãi ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Câu nói “Vì Việt Nam, nhân dân Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình” của Chủ tịch Fidel Castro đã trở thành khẩu hiệu tiêu biểu cho sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ với Việt Nam. Đặc biệt ngoại giao đã kết hợp với quân sự, chính trị, tạo ra thế trận “vừa đánh vừa đàm” với đỉnh cao là Hiệp định hòa bình Paris. Những thắng lợi trên bàn đàm phán đã buộc Mỹ xuống thang và ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, buộc phải rút toàn bộ quân đội và vũ khí ra khỏi miền nam Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng cách mạng củng cố, từ đó hình thái chiến trường thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng, tạo thời cơ cho giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước.

Trong giai đoạn tái thiết, xây dựng đất nước và phát triển kinh tế sau chiến tranh (1975-1986), ngoại giao là lực lượng nòng cốt, tiên

² Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 4/1969.

phong trong đấu tranh đưa đất nước ta thoát khỏi thế bị cô lập về chính trị, bao vây cấm vận về kinh tế. Sau chiến thắng 30/4/1975, ngoại giao tiếp tục làm rõ tính chính nghĩa của nhiệm vụ quốc tế cao cả của Việt Nam giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot; từng bước phá thế bao vây, cấm vận, góp phần đưa đất nước bước ra khỏi khó khăn về kinh tế - xã hội. Ta kiên trì khôi phục quan hệ láng giềng hữu nghị với Trung Quốc và các nước ASEAN, đấu tranh chống cấm vận của chính quyền Mỹ, phát triển quan hệ với các nước dân tộc chủ nghĩa, không liên kết, từng bước mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển và các tổ chức quốc tế. Đây cũng là giai đoạn Việt Nam trở thành thành viên của các tổ chức, diễn đàn đa phương quốc tế lớn như Phong trào Không liên kết (1976), Liên hợp quốc (1977).

Ngoại giao trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế

Trong thời kỳ Đổi mới (1986-nay), ngoại giao phát huy vai trò tiên phong, đi đầu trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, mở ra cục diện đối ngoại thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc hiện nay là kết tinh của quá trình đổi mới, mở cửa của đất nước trước những biến chuyển trong nước và quốc tế và đã đạt được “những kết quả, thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử”.

Bước vào giai đoạn những năm đầu Đổi mới, trong bối cảnh đất nước vừa gặp khó khăn về kinh tế - xã hội trong nước, vừa bị các thế lực thù địch chống phá quyết liệt, ngoại giao đã chủ động triển khai nhiều biện pháp, trong đó thúc đẩy giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia và tích cực giải quyết hiệu quả vấn đề “thuyền nhân”, nhờ đó làm giảm sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, khôi phục đối thoại và đi đến cải thiện quan hệ với các nước lớn và các nước trong khu vực, tạo ra thế thuận lợi mới cho giai đoạn đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế tiếp

theo. Từ thập niên 1990, thực hiện chủ trương “đa dạng hóa, đa phương hóa”, chúng ta đã mở rộng, nâng cấp, nâng tầm quan hệ quốc tế với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, nước lớn và đối tác quan trọng.

Từ một nước bị bao vây, cô lập, Việt Nam nay đã có quan hệ ngoại giao với 194 nước, thiết lập được mạng lưới 37 nước có quan hệ đối tác toàn diện trở lên, trong đó có đầy đủ các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, tất cả các nước ASEAN, toàn bộ các thành viên G7, 18/20 nền kinh tế G20, là thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức quốc tế. Việc nâng tầm, nâng cấp quan hệ với các đối tác chủ chốt, quan trọng đã góp phần tạo nên tầm vóc chiến lược mới, đưa hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo nền tảng cho sự phát triển quan hệ lâu dài và bền vững, mở ra cục diện đối ngoại thuận lợi hơn bao giờ hết cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với quốc phòng, an ninh, ngoại giao đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Các vấn đề biên giới với các nước liên quan từng bước được giải quyết, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần vào việc củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực. Đồng thời đấu tranh hiệu quả với hoạt động vi phạm chủ quyền, quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên biển; thúc đẩy đàm phán, hợp tác giải quyết những vấn đề tồn tại, thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu quả phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS). Ngoại giao cũng đã tích cực tham gia đấu tranh trong lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Ngoại giao đa phương nâng cao vai trò, vị thế Việt Nam, khẳng định Việt Nam là một thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam gia nhập ASEAN, APEC, WTO và từng bước chuyển

biển về chất, từ gia nhập, tham gia đến chủ động, tích cực đóng góp thực chất, là thành viên có trách nhiệm tại các diễn đàn đa phương và quốc tế. Chúng ta đã tham gia khởi xướng, định hình nhiều cơ chế hợp tác mới như ASEM, ADMM+... Triển khai Chỉ thị 25 của Ban Bí thư, Việt Nam đã chuyển từ chủ trương tham dự, sang chủ động phát huy vai trò “thành viên có trách nhiệm”; hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế lớn, tham gia xây dựng luật chơi trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu quan trọng như Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc, các cơ chế tiểu vùng Mê Công, Phong trào Không liên kết, Tổ chức Pháp ngữ...; mở rộng đóng góp vào các nỗ lực gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, cứu hộ cứu nạn quốc tế. Chúng ta đã hai lần đảm nhiệm vai trò ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021), hai lần là thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2014-2016 và 2023-2025), tham gia 6/7 cơ chế điều hành then chốt của UNESCO...

Ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đã phát huy vai trò là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển và nâng cao đời sống của nhân dân. Từ một đất nước lạc hậu, bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, đến nay Việt Nam đã trở thành nền kinh tế đang vươn lên mạnh mẽ, nằm trong top 32 nền kinh tế hàng đầu về quy mô GDP. Công cuộc hội nhập quốc tế của ta đã chuyển từ hội nhập kinh tế đơn thuần sang hội nhập toàn diện, sâu rộng. Đến nay, chúng ta đã có quan hệ kinh tế với hơn 230 quốc gia, vùng lãnh thổ; ký kết và triển khai 17 Hiệp định Thương mại tự do (FTA), trong đó có nhiều FTA thế hệ mới. Triển khai Chỉ thị 15 của Ban Bí thư về ngoại giao kinh tế, đối ngoại và ngoại giao đã huy động nhiều nguồn lực quan trọng như FDI, ODA, đưa Việt Nam gia nhập nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất và thu hút đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới; trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế thông qua hơn 500 hiệp định

song phương và đa phương; vận động các đối tác lớn trong các lĩnh vực mới như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, tham gia các chuỗi cung ứng và cải thiện vị trí Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Các lĩnh vực công tác đối ngoại tiếp tục được triển khai hiệu quả, toàn diện. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện tốt chính sách chăm lo của Đảng và Nhà nước với gần 6 triệu người Việt Nam ở nước ngoài, củng cố đại đoàn kết dân tộc, huy động nguồn lực cho phát triển với hàng nghìn dự án đầu tư và hàng tỷ USD kiều hối hàng năm. Bảo hộ công dân tích cực bảo vệ an ninh, an toàn, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân, doanh nghiệp Việt Nam, nhất là tại các vùng chiến sự, thiên tai, mất ổn định. Thông tin đối ngoại quảng bá mạnh mẽ hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, thành tựu đổi mới với nội dung, phương thức sáng tạo. Ngoại giao văn hóa vận động thành công UNESCO công nhận các 72 di sản, danh hiệu, qua đó gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc và huy động các nguồn lực mới cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các địa phương.

Nhìn lại 80 năm qua, *có được những thành tựu vĩ đại đó là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, tài tình của Đảng ta*, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo của Đảng. Cùng với đó là những đóng góp to lớn của những nhà ngoại giao xuất sắc như Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, Xuân Thủy, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Cơ Thạch..., những người đã trở thành biểu tượng đầy bản lĩnh, trí tuệ của ngoại giao Việt Nam. Ngoại giao thực sự trở thành nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, các trụ cột đối ngoại phát huy sức mạnh tổng thể, đồng bộ cũng như những lợi thế đặc thù: ngoại giao nhà nước kết hợp nhuần nhuyễn với đối ngoại đảng và đối ngoại nhân dân, ngoại giao nghị viện hỗ trợ chặt chẽ cho ngoại giao nhà nước, đối ngoại quốc phòng và đối ngoại công an triển khai tích cực; đối ngoại địa phương bổ sung cho đối ngoại cấp trung ương...

Bên cạnh đó trong triển khai đối ngoại còn tồn tại một số hạn chế như việc tranh thủ các yếu tố thuận lợi từ cục diện quốc tế chưa hiệu quả; các khuôn khổ quan hệ đã thiết lập chưa được khai thác triệt để, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, quốc phòng - an ninh, khoa học - công nghệ; việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế còn nhiều bất cập; công tác nghiên cứu, tham mưu còn có lúc chưa nhạy bén, kịp thời. Nguyên nhân của các hạn chế này có yếu tố khách quan do tình hình diễn biến nhanh chóng, khó lường, xuất hiện nhiều vấn đề mới chưa có tiền lệ khiến việc ứng phó gặp nhiều khó khăn nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan xuất phát từ năng lực của ta còn hạn chế.

Những thành tựu và mặt hạn chế đó để lại nhiều bài học cho triển khai công tác đối ngoại, ngoại giao thời gian tới. Đó là bài học bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; trong suốt chặng đường 80 năm qua, ngoại giao đã thấm nhuần lời Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 3 năm 1964 là ngoại giao “phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”. Đó là bài học về sự lãnh đạo thống nhất, tuyệt đối của Đảng, sự nhạy bén trong nhận định và nắm bắt tình hình, quyết đoán trong việc đưa ra các chính sách, biện pháp cụ thể. Đó là bài học về kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; huy động được sự ủng hộ vô cùng to lớn cả về vật chất và tinh thần của nhân loại tiến bộ ủng hộ Việt Nam. Đó là bài học về “dĩ bất biến ứng vạn biến”, kiên định trong nguyên tắc và linh hoạt trong sách lược tùy theo từng vấn đề, từng thời điểm...

Phát huy vai trò “tiên phong, trọng yếu, thường xuyên” trong kỷ nguyên mới

Trong những năm tới đây, tình hình thế giới được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng diễn biến khó lường, phức tạp. Cục diện thế giới sẽ tiếp tục vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc với nhiều chuyển động sâu rộng về chính trị, an ninh, kinh tế, khoa học, quân sự, khoa học

- công nghệ. Các cuộc xung đột cục bộ, tranh chấp biên giới, lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên nhiều khả năng sẽ tiếp diễn với tính chất đa chiều hơn, diễn ra trên các không gian mới và với các hình thái đa dạng. Kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng thiếu ổn định do căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gay gắt, toàn diện kéo theo sự phân tuyến, phân tách rõ nét trên nhiều lĩnh vực, tác động liên thông tới lợi ích an ninh, phát triển của các quốc gia.

Ở trong nước, giai đoạn sắp tới có ý nghĩa quan trọng bản lề, nước rút trong việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu phát triển tới năm 2030, tầm nhìn đến 2045, đưa đất nước vào kỷ nguyên mới. Sự biến chuyển có tính thời đại đem đến thời cơ, thuận lợi mới, đồng thời cũng có nhiều thách thức. Những thay đổi mang tính thời đại đòi hỏi những quyết sách mang tính cách mạng. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nói “trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, ngoại giao Việt Nam phải vươn lên những tầm cao mới để hoàn thành những trọng trách vinh quang mới, xứng đáng là đội quân tiên phong, binh chủng hợp thành của cách mạng Việt Nam”. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV cũng khẳng định “tăng cường quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên”.

Thấm nhuần tư tưởng đó, ngoại giao Việt Nam sẽ phát huy những bài học vượt thời gian mà lịch sử cách mạng 80 năm để lại, không ngừng đổi mới tư duy để phù hợp với bối cảnh tình hình, tích cực, chủ động góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược của đất nước. Trong đó, *các phương hướng quan trọng là:*

Thứ nhất, phát huy vai trò tiên phong, “trọng yếu, thường xuyên” trong tạo lập và củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi, thực hiện ba mục tiêu chiến lược của đối ngoại là an ninh, phát triển và vị thế của đất nước. Mục tiêu bao trùm là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh

thổ và các lợi ích chính đáng của ta phù hợp với luật pháp quốc tế; đóng góp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao vai trò và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Điều đó đòi hỏi ngoại giao cần nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là hợp tác chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa với các nước; tiếp tục đưa các mối quan hệ với các đối tác ta đã có khuôn khổ quan hệ, trước hết là các nước láng giềng và các nước lớn, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả; ưu tiên duy trì ổn định và giữ đà quan hệ, tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, đồng thời xử lý các khác biệt và vấn đề nảy sinh trên tinh thần hợp tác, kiểm soát bất đồng, dựa trên luật pháp quốc tế.

Thứ hai, đối ngoại đóng vai trò kiến tạo, động lực, mở ra các cơ hội mới cho đất nước, kết nối nội lực với ngoại lực, trong đó nội lực là cơ bản, lâu dài, ngoại lực là quan trọng, đột phá. Đó là các nguồn lực về thương mại, đầu tư, là các xu thế phát triển và liên kết kinh tế, là trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm, dựa trên luật pháp quốc tế, là sức mạnh của kỷ nguyên cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức... Từ bài học của các nước đi trước, trong giai đoạn bứt phá, nhiệm vụ của đối ngoại là làm thế nào định vị đất nước vào vị thế tối ưu trong các xu hướng, trào lưu phát triển chính của thế giới; khơi thông, kết nối hợp tác với các đối tác hàng đầu trong những lĩnh vực đột phá, chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn... Như lời của Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nói ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ “phải là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn phát triển mới, trở thành một động lực để phát triển đất nước nhanh và bền vững”; triển khai có hiệu quả chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nhất là Nghị quyết 59 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Thứ ba, nâng tầm đóng góp của Việt Nam đối với hòa bình, hợp tác, phát triển và tiến bộ của nhân loại. Thế và lực mới của đất nước cho phép chúng ta có điều kiện tham gia sâu hơn, trách nhiệm hơn vào việc

giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Như Chủ tịch nước Lương Cường đã phát biểu “trong lai, vận mệnh của đất nước gắn liền với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới”, với cách tiếp cận đối ngoại mới từ tiếp nhận sang đóng góp, từ học tập sang dẫn dắt, Việt Nam sẽ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự quốc tế công bằng, bình đẳng dựa trên luật pháp quốc tế; nâng tầm đóng góp của Việt Nam vào các vấn đề chung, không chỉ tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương, mà còn phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề, cơ chế quan trọng, phù hợp với lợi ích và điều kiện của ta. Theo đó Việt Nam sẽ phát huy hơn nữa đóng góp trên các diễn đàn đa phương, đặc biệt là thúc đẩy các sáng kiến mới; thể hiện vai trò nòng cốt trong xây dựng Cộng đồng ASEAN và củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong các cấu trúc an ninh khu vực; tham gia tích cực trong khuôn khổ hoạt động của Liên hợp quốc, nhất là trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình...

Thứ tư, phát huy “sức mạnh mềm” của dân tộc, gia tăng hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong kỷ nguyên mới, sức mạnh mềm của đất nước không chỉ là nguồn lực quan trọng phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà còn giúp gắn kết Việt Nam với thế giới, vun đắp tình hữu nghị giữa các nước. Trong đó ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài là các kênh đặc lực để xây dựng lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau, tạo dựng mối quan hệ gắn bó, tin cậy lâu dài, tranh thủ rộng rãi sự ủng hộ của các nước, bạn bè quốc tế và bà con kiều bào đối với sự nghiệp đổi mới của Việt Nam.

Thứ năm, nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược trong hoạch định chính sách đối ngoại, góp phần làm sâu sắc nền tảng lý luận của Đảng về đối ngoại. Trong thế giới biến động như ngày nay, công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược có vai trò rất quan trọng để giữ được sự chủ động. Ngoại giao cần phải nhạy bén, nhận diện

được các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội trong khu vực và trên thế giới, nhất là trước tác động như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để tranh thủ tốt các xu thế quốc tế, đánh giá đúng xu hướng vận động trong chính sách và quan hệ giữa các nước, đặc biệt là các nước láng giềng, các nước lớn để tham mưu các quyết sách, bước đi đối ngoại phù hợp.

Thứ sáu, xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của kỷ nguyên mới. Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, ngoại giao nghị viện, đối ngoại nhân dân và đối ngoại của các ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp cần đi vào chiều sâu, bền vững. Bên cạnh đó, cần có sự bố trí nguồn lực thích đáng để bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng, chế độ ngang với mặt bằng chung của khu vực, từng bước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “*cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”, công tác cán bộ phải đáp ứng được yêu cầu của kỷ nguyên mới; theo đó thể hệ cán bộ trong giai đoạn mới không chỉ có trình độ, năng lực và bản lĩnh chính trị mà còn phải dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, ngày càng chuyên nghiệp, ngang tầm khu vực và quốc tế. Đồng thời tiếp tục hoàn thiện nền tảng lý luận về đối ngoại, xây dựng trường phái ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh trên cơ sở truyền thống lịch sử ngoại giao Việt Nam và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh.

Sau 80 năm lập quốc và 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu lịch sử, làm rạng danh Việt Nam trên bản đồ thế giới. Trong mỗi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta đều có dấu ấn đóng góp quan trọng của ngoại giao. Bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, ngành ngoại giao Việt Nam nguyện nỗ lực hết mình viết tiếp trang sử vẻ vang của ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh, tận lực, tận tâm phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phát huy tinh thần tiên phong, chủ động, tích cực tạo đà, tạo thế góp phần đưa đất nước vững bước tiến lên những nấc thang phát triển mới./.